

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM NGỌC GIÀU

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông CAO TẤN KIẾT

2/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN

- **Thư ký phiên tòa:** Bà LÊ THỊ MỸ HÒA - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà NGUYỄN THỊ BÍCH DU - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Kim A**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 19 đường A1, ấp A2, xã A3, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh - (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 19 đường B1, ấp A2, xã A3, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh - (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2022 và lời khai tại phiên tòa của bà Võ Thị Kim A thể hiện như sau:

Bà Chi và ông B tự nguyện sống chung từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà A và ông B sống chung đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra bất hòa và không còn tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ

năm 2019 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông Nghĩa.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Minh C, sinh ngày 06/7/1999, con đã thành niên, có khả năng lao động sinh sống được nên bà A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A trình bày không có.

*** *Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn B trình bày:***

Ông B thống nhất theo lời trình bày của bà A về hôn nhân, thời gian sống chung, ông B và bà A sống chung từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm và đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Minh C, sinh ngày 06/7/1999, con chung đã thành niên nên ông B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B trình bày không có.

Tại phiên tòa, bà A và ông B vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn, không trình bày gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Võ Thị Kim A và ông Trần Văn B là vợ chồng; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết; Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bà Võ Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Văn B. Ông B là bị đơn có nơi cư trú tại ấp A2, xã A3, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim A và ông Trần Văn B chung sống từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của bà A và ông B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Trần Minh C, sinh ngày 06/7/1999. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B trình bày không có nên Hội

đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận bà Võ Thị Kim A và ông Trần Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 06/7/1999. Hiện con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0020885 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Chi đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (G).

(đã ký)

Phạm Ngọc Giàu